SAO Y; Văn phòng UBND tỉnh Tây Ninh; 16/10/2023; 14:15:54

UBND TỈNH TÂY NINH
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 9240/BC-VP

Tây Ninh, ngày 16 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO
Kết quả xếp loại, đánh giá chất lượng giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh Tây Ninh Quý III/2023

Căn cứ Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công trực tuyến theo thời gian thực trên môi trường điện tử. (Sau đây viết tắt là Quyết định số 766/QĐ-TTg).

Thực hiện Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

Căn cứ Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Tây Ninh. Trong đó, tại Khoản 6, Điều 15 giao Văn phòng UBND tỉnh: "Đánh giá, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương tự đánh giá việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, dịch vụ công trực tuyến đảm bảo theo quy định của Trung ương và Quyết định số 766/QĐ-TTg".

Ngày 08/3/2023, Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 1872/VP-KSTT hướng dẫn cơ quan hành chính các cấp trong việc xếp loại, đánh giá chất lượng giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa.

Theo kết quả trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn), tại mục "Kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp của bộ, ngành, địa phương". Trên cơ sở theo dõi, tổng hợp, so sánh và phân tích các tiêu chí đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của cơ quan hành chính các cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và Cổng Dịch vụ công quốc gia. Văn phòng UBND tỉnh báo cáo kết quả xếp loại, đánh giá chất lượng giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh trong Quý III/2023 kèm theo Bảng xếp loại, đánh giá cụ thể. *(Số liệu được sử dụng làm căn cứ đánh giá, xếp loại tại thời điểm 16h30' ngày 12/10/2023. Số liệu này có thể thay đổi theo thời gian cụ thể).*

Nơi nhận:
- Các Sở, ban ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng: KSTT, HCC; TTCBTH;
- Lưu: VT, VP. UBND tỉnh. (Tấn).

4

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

Trần Thị Ngọc Mai

Phụ lục 1
Bảng xếp loại, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của các Sở, ban ngành tỉnh trong Quý III/2023

(Kèm theo Báo cáo số: 9240/BC-VP ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Văn phòng UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan/ đơn vị	* Công khai minh bạch (%)	Tiến độ giải quyết đúng hạn (%)	Dịch vụ công trực tuyến (%)	** Mức độ hài lòng trong tiếp nhận giải quyết TTHC (%)	Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử (%)	Tổng hợp xếp loại
1	Sở Tư pháp	50,0	81,04	27,50	89,30	95,41	Tốt
2	Sở Xây dựng	50,0	69,63	73,80	89,30	87,30	Khá
3	Sở Khoa học và Công nghệ	50,0	97,96	100	89,30	100	Xuất sắc
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	50,0	74,28	70,10	89,30	64,05	Khá
5	Sở Tài nguyên và Môi trường	50,0	78,25	15,70	89,30	87,20	Khá
6	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	50,0	99,79	92,10	89,30	91,62	Xuất sắc
7	Sở Nội vụ	50,0	97,73	34,10	89,30	83,13	Tốt
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	50,0	97,47	57,10	89,30	100	Tốt
9	Sở Tài chính	50,0	82,35	21,20	89,30	100	Tốt
10	Sở Thông tin và Truyền Thông	50,0	100	93,80	89,30	100	Xuất sắc
11	Sở Y tế	50,0	48,27	6,60	89,30	85,06	Trung bình
12	Sở Công Thương	50,0	99,45	92,70	89,30	100	Xuất sắc
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	50,0	97,46	95,80	89,30	100	Xuất sắc
14	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	50,0	99,63	91,70	89,30	100	Xuất sắc
15	Sở Giao thông Vận tải	50,0	96,56	22,70	89,30	23,87	Trung bình
16	Ban Quản lý Khu kinh tế	50,0	97,60	60,50	89,30	90,55	Tốt

Ghi chú: (*): Do Văn phòng Chính phủ chưa đồng bộ để tách riêng kết quả của từng cơ quan. Nên lấy mức điểm trung bình của tỉnh đạt được trong Quý III/2023 để tính tỷ lệ điểm đạt được của đơn vị. (Trong Quý III/2023, mức điểm trung bình của tiêu chí công khai minh bạch toàn tỉnh đạt 9/18 điểm = 50%). (**): Do Văn phòng Chính phủ chưa cập nhật công thức tính điểm chuẩn của từng cơ quan đối với tiêu chí "Mức độ hài lòng" theo Quyết định số 766/QĐ-TTg. Do đó, lấy mức điểm trung bình của tỉnh đạt được trong Quý III/2023 để tính tỷ lệ điểm đạt được của đơn vị. (Trong Quý III/2023, mức điểm trung bình của tiêu chí "Mức độ hài lòng trong tiếp nhận giải quyết TTHC" toàn tỉnh đạt 89,30%).

Phụ lục 2

Bảng xếp loại, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong Quý III/2023

(Kèm theo Báo cáo số: 9240../BC-VP ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Văn phòng UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan/ đơn vị	Tỷ lệ điểm đạt được (%)	Tổng hợp xếp loại (*)
1	UBND thành phố Tây Ninh	71,65	Khá
2	UBND thị xã Hòa Thành	72,30	Khá
3	UBND huyện Châu Thành	70,88	Khá
4	UBND huyện Gò Dầu	71,12	Khá
5	UBND huyện Bến Cầu	66,62	Trung bình
6	UBND huyện Tân Biên	71,37	Khá
7	UBND huyện Tân Châu	70,40	Khá
8	UBND huyện Dương Minh Châu	67,75	Trung bình
9	UBND thị xã Trảng Bàng	70,0	Khá
10	UBND Thị trấn Bến Cầu	72,03	Khá
11	UBND xã An Thạnh	63,12	Trung bình
12	UBND xã Lợi Thuận	72,89	Khá
13	UBND xã Long Chữ	58,30	Trung bình
14	UBND xã Long Giang	69,21	Trung bình
15	UBND xã Long Khánh	73,41	Khá
16	UBND xã Long Phước	66,34	Trung bình
17	UBND xã Long Thuận	72,53	Khá
18	UBND xã Tiên Thuận	62,95	Trung bình
19	UBND xã Thái Bình	67,88	Trung bình
20	UBND xã Thanh Điền	72,28	Khá
21	UBND xã Long Vĩnh	72,67	Khá
22	UBND xã An Cơ	72,33	Khá
23	UBND xã Hảo Đước	65,58	Trung bình
24	UBND xã Ninh Điền	72,72	Khá
25	UBND thị trấn Châu Thành	72,03	Khá

26	UBND xã Thành Long	72,01	Khá
27	UBND xã Đồng Khởi	72,84	Khá
28	UBND xã Biên Giới	72,94	Khá
29	UBND xã Hòa Thạnh	72,52	Khá
30	UBND xã Hòa Hội	72,59	Khá
31	UBND xã Trí Bình	72,39	Khá
32	UBND xã An Bình	72,04	Khá
33	UBND xã Phước Vinh	64,91	Trung bình
34	UBND xã Tân Lập	72,89	Khá
35	UBND xã Tân Bình	70,82	Khá
36	UBND xã Thạnh Bắc	70,45	Khá
37	UBND xã Thạnh Tây	71,72	Khá
38	UBND xã Thạnh Bình	72,75	Khá
39	UBND Thị Trấn Tân Biên	73,26	Khá
40	UBND xã Tân Phong	72,35	Khá
41	UBND xã Mỏ Công	73,09	Khá
42	UBND xã Hòa Hiệp	73,24	Khá
43	UBND xã Trà Vong	70,44	Khá
44	UBND Thị trấn Gò Dầu	68,73	Trung bình
45	UBND xã Thanh Phước	72,07	Khá
46	UBND xã Bàu Đồn	72,86	Khá
47	UBND xã Cẩm Giang	70,18	Khá
48	UBND xã Phước Đông	73,39	Khá
49	UBND xã Phước Thạnh	72,37	Khá
50	UBND xã Phước Trạch	72,81	Khá
51	UBND xã Thạnh Đức	73,18	Khá
52	UBND xã Hiệp Thạnh	63,33	Trung bình
53	UBND Phường I	70,33	Khá
54	UBND Phường II	72,79	Khá
55	UBND Phường III	67,62	Trung bình
56	UBND Phường IV	72,22	Khá
57	UBND Phường Hiệp Ninh	73,45	Khá

58	UBND Phường Ninh Thạnh	73,35	Khá
59	UBND Phường Ninh Sơn	70,99	Khá
60	UBND Xã Bình Minh	70,41	Khá
61	UBND Xã Tân Bình	69,28	Trung bình
62	UBND Xã Thạnh Tân	72,86	Khá
63	UBND xã Bàu Năng	63,61	Trung bình
64	UBND xã Chà Là	62,68	Trung bình
65	UBND xã Cầu Khởi	71,24	Khá
66	UBND xã Truông Mít	73,66	Khá
67	UBND xã Lộc Ninh	68,02	Trung bình
68	UBND xã Bến Củi	73,47	Khá
69	UBND xã Phước Minh	70,96	Khá
70	UBND xã Phước Ninh	72,51	Khá
71	UBND xã Suối Đá	62,87	Trung bình
72	UBND Thị Trấn Dương Minh Châu	67,86	Trung bình
73	UBND xã Phan	59,53	Trung bình
74	UBND xã Tân Hưng	70,94	Khá
75	UBND xã Tân Phú	66,94	Trung bình
76	UBND xã Thạnh Đông	73,63	Khá
77	UBND xã Tân Hiệp	73,44	Khá
78	UBND xã Tân Hội	71,95	Khá
79	UBND xã Tân Đông	72,68	Khá
80	UBND xã Tân Hà	66,77	Trung bình
81	UBND xã Suối Ngô	73,19	Khá
82	UBND xã Tân Hòa	70,67	Khá
83	UBND xã Tân Thành	73,54	Khá
84	UBND xã Suối Dây	72,38	Khá
85	UBND thị trấn Tân Châu	72,88	Khá
86	UBND phường Long Hoa	71,77	Khá
87	UBND phường Long Thành Bắc	72,91	Khá
88	UBND phường Long Thành Trung	73,52	Khá
89	UBND phường Hiệp Tân	72,61	Khá

90	UBND xã Long Thành Nam	73,62	Khá
91	UBND xã Trường Đông	73,15	Khá
92	UBND xã Trường Tây	73,73	Khá
93	UBND xã Trường Hòa	67,38	Trung bình
94	Phường Hưng Thuận	68,11	Trung bình
95	Phường Lộc Hưng	71,65	Khá
96	Phường An Tịnh	67,22	Trung bình
97	UBND xã Phước Bình	72,85	Khá
98	Phường Phước Chỉ	73,23	Khá
99	Phường An Hòa	72,87	Khá
100	Phường Gia Bình	72,54	Khá
101	Xã Gia Lộc	72,71	Khá
102	Phường Trảng Bàng	72,70	Khá
103	Phường Đôn Thuận	68,92	Trung bình

(*) Ghi chú: Đối với UBND cấp huyện, UBND cấp xã, việc xếp loại căn cứ vào kết quả của đơn vị đạt được trên Cổng Dịch vụ công quốc gia tại thời điểm đánh giá. Trường hợp tại thời điểm đánh giá, Cổng Dịch vụ công quốc gia không có số liệu điểm số đánh giá, xếp loại thì căn cứ vào hướng dẫn tại Công văn số 1872/VP-KSTT ngày 08/3/2023 của Văn phòng UBND tỉnh Tây Ninh để đánh giá, xếp loại đối với UBND cấp huyện, UBND cấp xã. (Trong Quý III/2023, đã có kết quả xếp loại trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với từng UBND cấp huyện, cấp xã cụ thể).